

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ  
VI NA TA BA**

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA**

Số nhà 24, Ngách 1, Ngõ 46, Đường Phạm Ngọc Thạch, Phường Phương Liên,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

---

**MỤC LỤC**

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	02 - 03
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	04 - 05
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG</b>	
Bảng cân đối kế toán riêng	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09 - 10
Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 29

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA**

Số nhà 24, Ngách 1, Ngõ 46, Đường Phạm Ngọc Thạch, Phường Phương Liên,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty.

#### **1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006943 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/6/2007.

Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305020995, thay đổi lần thứ 17, ngày 05/10/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty có trụ sở chính tại: Số nhà 24, Ngách 1, Ngõ 46, Đường Phạm Ngọc Thạch, Phường Phương Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

#### **2. Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng quản trị**

Ông Lê Chí Long	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Lê Thị Hạnh	Thành viên
Vũ Ngọc Lan	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 19/4/2023)
Ông Đỗ Anh Ngọc	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 19/4/2023)

##### **Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Công Đức	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Quảng Thanh Bình	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 19/4/2023)

##### **Kế toán trưởng**

Nguyễn Thị Thùy Duyên

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Lê Chí Long - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

#### **3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và tình hình tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

#### **4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31/12/2023 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

#### **5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA**

Số nhà 24, Ngách 1, Ngõ 46, Đường Phạm Ngọc Thạch, Phường Phương Liên,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)**

**6. Công bố trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với Báo cáo tài chính riêng**

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

**7. Phê duyệt báo cáo tài chính riêng**

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm được trình bày từ trang 06 đến trang 29, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng cùng với bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba



**LÊ CHÍ LONG**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**  
Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2024



Số: 034/2024/BCKT-HT.00099

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2024, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành



**PHẠM QUANG KHẢI**

**Phó Giám đốc**

Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 4018-2022-009-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2024

**NGUYỄN ĐĂNG SỸ**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 3725-2021-009-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>MÃ SỐ</b>	<b>THUYẾT MINH</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>709.362.229</b>	<b>585.485.069</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>479.955.504</b>	<b>501.394.859</b>
Tiền	111		479.955.504	501.394.859
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>214.168.799</b>	<b>67.200.000</b>
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		60.500.000	43.200.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	153.668.799	24.000.000
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		-	-
Hàng tồn kho	141		-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>15.237.926</b>	<b>16.890.210</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		15.237.926	16.890.210
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>100.769.371.303</b>	<b>98.825.535.330</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>14.952.352</b>	<b>37.380.928</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.4	14.952.352	37.380.928
- Nguyên giá	222		157.000.000	157.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(142.047.648)	(119.619.072)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>5.5</b>	<b>4.958.635.200</b>	<b>4.958.635.200</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.958.635.200	4.958.635.200
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.2</b>	<b>95.795.783.751</b>	<b>93.829.519.202</b>
Đầu tư vào công ty con	251		49.000.000.000	49.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		40.500.000.000	43.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		30.000.000.000	30.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(23.704.216.249)	(28.170.480.798)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>101.478.733.532</b>	<b>99.411.020.399</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.986.626.595</b>	<b>3.487.093.962</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.986.626.595</b>	<b>3.487.093.962</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.6	90.462.721	81.310.225
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.7	6.100.000	8.850.000
Phải trả người lao động	314		37.500.000	22.500.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.8	19.400.000	41.269.863
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.9	1.785.160.000	1.785.160.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.10	-	1.500.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		48.003.874	48.003.874
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>99.492.106.937</b>	<b>95.923.926.437</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.11</b>	<b>99.492.106.937</b>	<b>95.923.926.437</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		114.000.000.000	114.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		114.000.000.000	114.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		497.638.934	497.638.934
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		472.910.044	472.910.044
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(15.478.442.041)	(19.046.622.541)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(19.046.622.541)	(19.681.625.270)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.568.180.500	635.002.729
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>101.478.733.532</b>	<b>99.411.020.399</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2024  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

NGUYỄN THỊ THÙY DUYÊN

NGUYỄN THỊ THÙY DUYÊN

LÊ CHÍ LONG





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	5.916.032.500	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>5.916.032.500</b>	<b>-</b>
Giá vốn hàng bán	11	6.2	5.788.010.500	-
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>128.022.000</b>	<b>-</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.231.646	3.000.750.837
Chi phí tài chính	22	6.4	(3.955.744.002)	1.860.081.683
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.520.547	231.397.260
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	516.817.148	505.666.516
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>3.568.180.500</b>	<b>635.002.638</b>
Thu nhập khác	31		-	121
Chi phí khác	32		-	30
<b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>91</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>3.568.180.500</b>	<b>635.002.729</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>3.568.180.500</b>	<b>635.002.729</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2024  
Chủ tịch Hội đồng quản trị



NGUYỄN THỊ THÙY DUYÊN

NGUYỄN THỊ THÙY DUYÊN

LÊ CHÍ LONG

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm nay	Năm trước
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		3.568.180.500	635.002.729
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			-	-
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		22.428.576	22.428.576
Các khoản dự phòng	03		(4.466.264.549)	1.610.509.079
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		498.768.354	(2.990.831.561)
Chi phí lãi vay	06		10.520.547	231.397.260
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>(366.366.572)</b>	<b>(491.493.917)</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		(145.316.515)	(77.726.642)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		32.902.496	(62.029.000)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(43.890.410)	(321.863.014)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>			<b>(522.671.001)</b>	<b>(953.112.573)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	500.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2.000.000.000	5.982.380.724
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.231.646	38.863.882
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>2.001.231.646</b>	<b>6.521.244.606</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Tiếp theo)**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm nay	Năm trước
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		-	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.500.000.000)	(8.500.000.000)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(6.555.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(1.500.000.000)</b>	<b>(8.506.555.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>				
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>501.394.859</b>	<b>3.439.817.826</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5.1</b>	<b>479.955.504</b>	<b>501.394.859</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2024  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

NGUYỄN THỊ THÙY DUYÊN

NGUYỄN THỊ THÙY DUYÊN

LÊ CHÍ LONG



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006943 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/6/2007.

Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305020995, thay đổi lần thứ 17, ngày 05/10/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là 114.000.000.000 đồng.

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh:** Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh:**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Mua bán nguyên phụ liệu ngành thuốc lá, giấy, vật tư ngành in;
- Mua bán máy móc, thiết bị ngành thuốc lá, phụ tùng máy móc ngành thuốc lá;
- Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng ô tô;
- Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng tàu hỏa;
- Mua bán thuốc lá điều sản xuất trong nước;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Tư vấn đầu tư;
- Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Lập dự án đầu tư;
- Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản);
- Sản xuất giấy nhấn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa (trừ tái chế phế thải, sản xuất bột giấy);
- Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở);
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

**1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có trụ sở chính tại: Số nhà 24, Ngách 1, Ngõ 46, Đường Phạm Ngọc Thạch, Phường Phương Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 07 người (tại ngày 31/12/2022 là 02 người).

**Các công ty con tại ngày 31/12/2023, bao gồm:**

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ VTJ Việt Nam	Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	100%	100%

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***Các công ty liên doanh, liên kết tại ngày 31/12/2023, bao gồm:**

<b>Tên công ty</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích</b>
Công ty Cổ phần Sản xuất Ứng dụng Công nghệ Cao Thái Sơn	Nhà số 2, LK5B, KĐT Mỗ Lao, Làng Việt Kiều Châu Âu, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	43,00%	43,00%

**1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được kiểm toán.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND") cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Các chính sách kế toán được Chủ tịch Hội đồng quản trị áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng này nên đọc kết hợp với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn.

**4.2 Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng quản trị nhưng số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**4.4 Các khoản đầu tư tài chính****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

**Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết**

**Công ty con:** là những công ty mà Công ty có quyền kiểm soát các chính sách về tài chính và hoạt động. Trên Bảng cân đối kế toán, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**Công ty liên doanh:** là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

**Công ty liên kết:** là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc mỗi kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***4.5 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết).
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua-bán.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

**4.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên

Phương pháp xác định giá gốc của hàng tồn kho: Bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**4.7 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

- Thiết bị dụng cụ quản lý 03 năm

**4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**4.9 Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

**4.10 Vốn chủ sở hữu**

**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

**Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

**4.11 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**4.12 Doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu dịch vụ được xác định tương đối chắc chắn
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Thu nhập từ tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

***Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

***Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn***

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

**4.13 Chi phí****Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí đi vay vốn. Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo.

**4.14 Thuế****Thuế giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

**Thuế khác**

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**4.15 Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**4.16 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc có quyền được tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên kia, nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Các bên có liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty;
- Các bên liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
- Tiền mặt	3.952.494	3.952.494
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	476.003.010	497.442.365
- Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>479.955.504</u></b>	<b><u>501.394.859</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA**

Số nhà 24, Ngách 1, Ngõ 46, Đường Phạm Ngọc Thạch, Phường Phương Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

B 09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.2. Đầu tư tài chính dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>49.000.000.000</b>	-		<b>49.000.000.000</b>
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ VT.J Việt Nam	49.000.000.000	-	(*)	49.000.000.000
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>40.500.000.000</b>	<b>(23.704.216.249)</b>		<b>43.000.000.000</b>
- Công ty Cổ phần Sản xuất Ứng dụng Công nghệ Cao Thái Sơn	40.500.000.000	(23.704.216.249)	(*)	43.000.000.000
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>30.000.000.000</b>	-		<b>30.000.000.000</b>
- Quý Đầu tư Hạ tầng Red One	30.000.000.000	-	(*)	30.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>119.500.000.000</b>	<b>(23.704.216.249)</b>		<b>122.000.000.000</b>
				<b>(28.170.480.798)</b>

(\*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác này và các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật đánh giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***Thông tin về các công ty con của Công ty tại ngày 31/12/2023:**

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ VTJ Việt Nam	Số 92 V6 Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	100%	100%	Thương mại dịch vụ

**Thông tin về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty tại ngày 31/12/2023:**

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ Phần Sản Xuất Ứng Dụng Công Nghệ Cao Thái Sơn	Nhà số 2, LK5B, KĐT Mỗ Lao, Làng Việt Kiều Châu Âu, Phường Mỗ Lao, Quận Hà Đông, Hà Nội	43,00%	43,00%	Hoạt động tư vấn quản lý

**Thông tin về các khoản đầu tư khác của Công ty tại ngày 31/12/2023:**

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Quý Đầu tư Hạ tầng Red One	Phòng 4, Lầu 9, The Landmark, 5B Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	9,375%	9,375%	Đầu tư tài chính

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư 01/01/2023	(28.170.480.798)	(26.559.971.719)
Trích lập dự phòng	-	(3.700.339.816)
Hoàn nhập dự phòng	4.466.264.549	2.089.830.737
Sử dụng dự phòng trong kỳ	-	-
<b>Số dư 31/12/2023</b>	<b>(23.704.216.249)</b>	<b>(28.170.480.798)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**5.3. Phải thu khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>				
Phải thu người lao động	153.668.799	-	24.000.000	-
Phải thu lãi tiền gửi	-	-	-	-
Phải thu khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>153.668.799</b>	<b>-</b>	<b>24.000.000</b>	<b>-</b>

**5.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Máy móc, thiết bị VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	157.000.000	157.000.000
Mua trong năm	-	-
Số dư cuối năm	<b>157.000.000</b>	<b>157.000.000</b>
<b>Giá trị đã hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	119.619.072	119.619.072
Khấu hao trong năm	22.428.576	22.428.576
Số dư cuối năm	<b>142.047.648</b>	<b>142.047.648</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm	37.380.928	37.380.928
Tại ngày cuối năm	<b>14.952.352</b>	<b>14.952.352</b>

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: không có
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 đồng
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý: 0 đồng

**5.5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Dự án: Văn phòng Vi na ta ba</b>		
- Chi phí mua đất tại Khu 6B, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	4.875.000.000	4.875.000.000
- Chi phí thiết kế	83.635.200	83.635.200
<b>Cộng</b>	<b>4.958.635.200</b>	<b>4.958.635.200</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**5.6. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Trần Ngọc Bảo Châu	81.250.000	81.250.000	81.250.000	81.250.000
Phải trả khác	9.212.721	9.212.721	60.225	60.225
<b>Cộng</b>	<b>90.462.721</b>	<b>90.462.721</b>	<b>81.310.225</b>	<b>81.310.225</b>

**5.7. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	Số đầu năm VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số cuối năm VND
Thuế GTGT phải nộp	-	591.603.250	591.603.250	-
Thuế TNDN	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	8.850.000	29.850.000	32.600.000	6.100.000
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>8.850.000</b>	<b>621.453.250</b>	<b>624.203.250</b>	<b>6.100.000</b>

**5.8. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Chi phí lãi vay	-	33.369.863
- Thủ lao HĐQT và BKS	-	7.900.000
- Các khoản khác	19.400.000	-
<b>Cộng</b>	<b>19.400.000</b>	<b>41.269.863</b>

**5.9. Phải trả khác ngắn hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.785.160.000	1.785.160.000
<b>Cộng</b>	<b>1.785.160.000</b>	<b>1.785.160.000</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**5.10. Vay và nợ thuế tài chính ngân hàng**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ VTJ Việt Nam	-	-	-	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>

**5.11. Vốn chủ sở hữu**

**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND		Quỹ đầu tư phát triển VND		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND		Cộng VND	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Số dư đầu năm trước Lãi trong năm	114.000.000.000	497.638.934	472.910.044	-	(19.681.625.270)	635.002.729	95.288.923.708	635.002.729	95.288.923.708	635.002.729
Số dư đầu năm nay Lãi trong năm	114.000.000.000	497.638.934	472.910.044	-	(19.046.622.541)	3.568.180.500	95.923.926.437	3.568.180.500	95.923.926.437	3.568.180.500
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>114.000.000.000</b>	<b>497.638.934</b>	<b>472.910.044</b>	<b>-</b>	<b>(15.478.442.041)</b>	<b>(15.478.442.041)</b>	<b>99.492.106.937</b>	<b>(15.478.442.041)</b>	<b>99.492.106.937</b>	<b>(15.478.442.041)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**  
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Vốn góp của các cổ đông (*)	114.000.000.000	114.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>114.000.000.000</u></b>	<b><u>114.000.000.000</u></b>

(\*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0305020995, thay đổi lần thứ 17, ngày 05/10/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là 114.000.000.000 đồng.

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	114.000.000.000	114.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	114.000.000.000	114.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.500.000	11.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.400.000	11.400.000
+ Cổ phiếu phổ thông	11.400.000	11.400.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.400.000	11.400.000
+ Cổ phiếu phổ thông	11.400.000	11.400.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

**Cổ tức**

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc năm tài chính:
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: không phát sinh
  - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không phát sinh
  - + Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không phát sinh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**Các quỹ của doanh nghiệp**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	497.638.934	497.638.934
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	472.910.044	472.910.044

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

**6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
- Doanh thu bán hàng hoá	5.916.032.500	-
- Doanh thu bán dịch vụ	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.916.032.500</b>	<b>-</b>

**6.2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
- Giá vốn hàng hóa	5.788.010.500	-
- Giá vốn dịch vụ	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.788.010.500</b>	<b>-</b>

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.231.646	8.450.837
- Lãi bán các khoản đầu tư	-	2.992.300.000
<b>Cộng</b>	<b>1.231.646</b>	<b>3.000.750.837</b>

**6.4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	10.520.547	231.397.260
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	500.000.000	-
- Trích dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	3.700.339.816
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(4.466.264.549)	(2.089.830.737)
- Chi phí tài chính khác	-	18.175.344
<b>Cộng</b>	<b>(3.955.744.002)</b>	<b>1.860.081.683</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
- Chi phí nhân viên quản lý	220.000.000	315.000.000
- Chi phí khấu hao TSCĐ	22.428.576	22.428.576
- Các khoản khác	274.388.572	168.237.940
<b>Cộng</b>	<b>516.817.148</b>	<b>505.666.516</b>

**6.6. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
- Chi phí nhân công	220.000.000	315.000.000
- Chi phí khấu hao TSCĐ	22.428.576	22.428.576
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	145.153.846	131.947.862
- Chi phí khác bằng tiền	129.234.726	36.290.078
<b>Cộng</b>	<b>516.817.148</b>	<b>505.666.516</b>

**6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.568.180.500	635.002.729
- Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận tính thuế	(3.568.180.500)	(635.002.729)
+ Chi phí không được trừ	86.500.000	118.000.000
+ Chuyển lỗ	(3.654.680.500)	(753.002.729)
- Lợi nhuận tính thuế TNDN	-	-
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
- Thuế TNDN phải nộp năm nay	-	-
- Điều chỉnh tăng/(giảm) thuế TNDN các năm trước	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**6.8. Lãi trên cổ phiếu**

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**7.2 Thông tin về các bên liên quan**

a) Thông tin về các bên liên quan

TT	Tên bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ VTJ Việt Nam	Công ty con
2	Công ty Cổ phần Sản xuất Ứng dụng Công nghệ cao Thái Sơn	Công ty liên kết
3	Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung	Ông Lê Chí Long là đại diện theo pháp luật
4	Ông Lê Chí Long	Chủ tịch HĐQT - Thành viên chủ chốt
5	Ông Đỗ Anh Ngọc	Thành viên HĐQT - Thành viên chủ chốt
6	Bà Lê Thị Hạnh	Thành viên HĐQT - Thành viên chủ chốt
7	Ông Nguyễn Công Đức	Trưởng BKS - Thành viên chủ chốt
8	Ông Quảng Thanh Bình	Thành viên BKS - Thành viên chủ chốt
9	Bà Nguyễn Thị Thùy Duyên	Kế toán trưởng - Thành viên chủ chốt

b) Giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

**Giao dịch trọng yếu và số dư của Công ty với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Hội đồng quản trị</b>		
Ông Lê Chí Long	36.000.000	51.000.000
Ông Đỗ Anh Ngọc	7.000.000	24.000.000
Bà Lê Thị Hạnh	24.000.000	24.000.000
Ông Vũ Ngọc Lân	17.000.000	-
<b>Ban kiểm soát</b>		
Ông Nguyễn Công Đức	18.000.000	18.000.000
Ông Quảng Thanh Bình	12.000.000	12.000.000
Bà Nguyễn Thị Phương	8.500.000	-
<b>Kế toán trưởng</b>		
Bà Nguyễn Thị Thùy Duyên	220.000.000	180.000.000
	<b>342.500.000</b>	<b>309.000.000</b>

**Giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác trong năm:**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ VTJ Việt Nam</b>		
Trả nợ vay ngắn hạn	1.500.000.000	8.500.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**Số dư với các bên liên quan khác:**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
<b>Vay ngắn hạn</b> Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ VTJ Việt Nam	-	1.500.000.000



**7.3 Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận**

Thông tin về tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**7.4 Thông tin so sánh**

Số liệu được dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022 của Công ty.

**Người lập biểu**

**NGUYỄN THỊ THÙY DUYÊN**

**Kế toán trưởng**

**NGUYỄN THỊ THÙY DUYÊN**

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2024

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**



**LÊ CHÍ LONG**

